

Số: 29/2021/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ L số: 78/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh **Bùi Văn Q** – sinh năm 1979

+ **Bị đơn:** 1, Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1960

2, Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường GS, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho anh Bùi Văn Q số tiền nợ gốc theo hai giấy vay tiền ngày 12/9/2020 là 647.500.000đ, làm tròn thành 647.000.000đ (*sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng*) trong thời hạn 36 tháng, thời hạn cuối cùng trả nợ vào ngày 28/7/2024 dương lịch. Cụ thể chia thành các giai đoạn như sau:

Từ tháng 8/2021 đến hết tháng 01/2022, mỗi tháng ông B và bà L có trách nhiệm trả cho anh Q 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) vào ngày 28 dương lịch hàng tháng. Từ tháng 2 năm 2022 đến ngày 28/7/2024, mỗi tháng ông B và Bà L có trách nhiệm trả cho anh Q số tiền 19.566.666đ (*mười chín triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) vào ngày 28 dương lịch hàng tháng.

Về lãi suất, hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, nếu ông B và bà L

không thi hành mà anh Q có đơn yêu cầu thi hành thì ông B và bà L phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các bên đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Ông B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L tự nguyện nộp số tiền 7.470.000đ (*bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

Anh Q được hoàn lại số tiền 16.187.500đ (*mười sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004968 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An